

Số: 10/2026/QĐST-LĐ

Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

Thư ký phiên họp: Ông Đỗ Đức Thắng - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên họp:*** Ông Phan Tấn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 01/2026/TLST-VLĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 01/2026/QĐST-LĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ D, khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ D, khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH P; địa chỉ: Khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;
Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Vũ Hồng Q, sinh năm 1984; địa chỉ: 6 đường D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 17/3/2026). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở T1; địa chỉ: Khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Thanh N1 – Chức vụ: Giám đốc – Bảo hiểm xã hội cơ sở T1. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải*

quyết bà Đoàn Thị N trình bày:

Bà Đoàn Thị N và bà Đoàn Thị T là chị em. Vào năm 2007, bà T chưa đủ tuổi lao động nên bà N cho mượn chứng minh tên bà N để đi làm tại Công ty TNHH P. Thực tế người giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P là bà Đoàn Thị T nhưng lấy tên bà N để ký hợp đồng. Trong khoảng thời gian này bà N đang làm việc tại Công ty TNHH J. Nay bà N đi làm thủ tục liên quan đến hưởng Bảo hiểm xã hội thì được Cơ quan bảo hiểm xác định có sự trùng lặp khoảng thời gian từ tháng 02/2007 đến tháng 3/2007 tại Công ty TNHH P nên bà N yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động giữa bà Đoàn Thị N (do bà Đoàn Thị T ký kết) với Công ty TNHH P vô hiệu và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu. Ngoài ra, bà N không yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị T trình bày:

Bà Đoàn Thị T thống nhất như trình bày của bà Đoàn Thị N. Bà T xác định có sử dụng thông tin của bà N để tham gia ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH P vào năm 2007, người thực tế làm việc tại Công ty TNHH P là bà T, còn bà N không làm việc tại Công ty TNHH P. Nay bà N yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà N và Công ty TNHH P vô hiệu thì bà T đồng ý, không có ý kiến gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH P trình bày:

Quá trình rà soát hồ sơ tại Công ty thì không có lưu hồ sơ liên quan đến bà Đoàn Thị N hay bà Đoàn Thị T. Đối với yêu cầu của bà N thì công ty không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật để đảm bảo, bảo vệ quyền lợi cho người lao động.

- Bảo hiểm xã hội cơ sở T1 có ý kiến:

Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1983, số Chứng minh nhân dân 280803164 được Công ty TNHH P tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHTY), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN) với mã số BHXH 9107032013 từ tháng 02/2007 đến tháng 3/2007. Hiện bà Đoàn Thị N chưa hưởng BHXH một lần, chưa hưởng trợ cấp BHTN. Trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, đề nghị buộc người mượn hồ sơ đi điều chỉnh thông tin nhân thân đúng của người lao động.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ việc và lời khai của các đương sự xét có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Thị N, tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà N và Công ty TNHH P vô hiệu. Buộc người lao động đi điều chỉnh thông tin nhân thân cho đúng thông tin tham gia bảo hiểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đoàn Thị N cho bà Đoàn Thị T mượn thông tin để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH P, trụ sở tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà, do đó bà yêu cầu tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Căn cứ khoản 1 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định yêu cầu của bà là việc lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

Theo đơn yêu cầu, biên bản lấy lời khai bà Đoàn Thị N và bà Đoàn Thị T thừa vào năm 2007 bà T lấy thông tin của bà N để tham gia ký hợp đồng lao động tại Công ty TNHH P. Theo sổ bảo hiểm xã hội bà N cung cấp thể hiện trong khoảng thời gian từ tháng 02/2007 đến tháng 3/2007 bà N làm việc và có tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH P và Công ty TNHH J. Bà N xác định không có thời gian làm việc tại Công ty TNHH P phù hợp với lời thừa nhận của bà T và chứng cứ do Cơ quan bảo hiểm cung cấp. Do đó có căn cứ cho rằng bà Đoàn Thị N không làm việc và không có tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH P. Xét hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH P và bà Đoàn Thị N được ký vào năm 2007 nhưng thực tế lại bà Đoàn Thị T ký kết và làm việc là không đúng đối tượng của hợp đồng. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để điều chỉnh thông tin bảo hiểm, để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: Bà Đoàn Thị N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Đoàn Thị N.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Đoàn Thị N với Công ty TNHH P (thời gian từ tháng 02/2007 đến tháng 3/2007) bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Đoàn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0000228 ngày 05/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – TP Hồ Chí Minh;
- PTHADS khu vực 17 – Tp Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Ngọc Quyết